

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22- 12 - 2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nội.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.
2. Bà Nguyễn Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Phú Quý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 213/2021/QĐXX-ST ngày 09 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị L, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp K5t, xã V, huyện A, tỉnh K.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp B, xã BT, huyện L, tỉnh Đ.

(Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 6 năm 2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Dương Thị L trình bày:*

1. Về hôn nhân: Vào năm 2008 chị L và anh C tổ chức đám cưới trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh C (nay là xã V, huyện A, tỉnh K) cấp giấy chứng

nhận kết hôn số 106, quyển số 01 vào ngày 19/5/2008. Sau đám cưới một thời gian thì vợ chồng về quê của chị L sinh sống. Trong quá trình sống chung, vợ chồng không hoà hợp về tính cách, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi nhau. Mặc dù, hai bên đã cố gắng nhường nhịn để xây dựng hạnh phúc vợ chồng nhưng không có kết quả. Từ giữa năm 2019, thì anh C đã về bên nhà cha mẹ ruột của anh C tại địa chỉ số 294, ấp B, xã BT, huyện L, tỉnh Đ, sinh sống cho đến nay. Từ khi vợ chồng sống xa nhau vợ chồng cũng không tìm cách để hàn gắn tình cảm vợ chồng, không ai quan tâm đến ai, mạnh ai người đó sống. Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh C.

2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thị Phương Ng, sinh ngày 17/12/2012 và Nguyễn Tổ Nh, sinh ngày 31/5/2015. Từ khi vợ chồng sống xa nhau con chung do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Từ khi vợ chồng xa nhau đến nay anh C không quan tâm đến con không phụ giúp chị L trong việc nuôi con nhưng chị L vẫn nuôi dưỡng con tốt nên chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Vợ chồng không có tài sản nên không yêu cầu toà án giải quyết;

4. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn Nguyễn Văn C tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 02/12/2021 trình bày:

1. Về hôn nhân: Anh C đồng ý ly hôn theo như yêu cầu của chị L.

2. Về con chung: Đồng ý giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Phương Ng sinh ngày 17/12/2012 và Nguyễn Tổ Nh sinh ngày 31/05/2015 cho chị L được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu toà án xem xét giải quyết.

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò phát biểu:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng để nghị án. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nhưng đã có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn là phù hợp Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị L và anh C có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của chị L và anh C là hợp pháp. Chị L và anh C đều thống nhất ly hôn nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

Về con chung: Giao 02 con chung cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng, anh C không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung các đương sự đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Dương Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn C, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, về tài sản và nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” và bị đơn cư trú tại huyện L, tỉnh Đ do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò theo quy định tại khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Dương Thị L và anh Nguyễn Văn C tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2008 trên cơ sở tự nguyện. Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh C (nay là xã V, huyện A, tỉnh K) đã cấp giấy chứng nhận kết hôn số 106, quyển số 01 vào ngày 19/5/2008 nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh C là hợp pháp được pháp luật công nhận. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo như chị L trình bày là do vợ chồng không hoà hợp về tính cách, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cự cãi nhau. Từ giữa năm 2019, anh C đã về nhà cha mẹ ruột của anh C sinh sống cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống mạnh ai nấy sống. Nay chị L yêu cầu được ly hôn với anh C. Còn anh C mặc dù không đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa nhưng tại đơn xin xét xử vắng mặt anh C trình bày thống nhất yêu cầu xin ly hôn của chị L, không yêu cầu đoàn tụ. Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị L và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt

được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị L đối với anh Nguyễn Văn C.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh C có 02 con chung tên Nguyễn Thị Phương Ng, sinh ngày 17/12/2012 và Nguyễn Tố Nh, sinh ngày 31/5/2015, từ ngày vợ chồng sống xa nhau con chung do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, sau khi ly hôn chị L và anh C thống nhất giao con chung cho chị L được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao 02 con chung cho chị L được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung: L và anh C thống nhất vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Toà án không xem xét giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Chị L và anh C không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[2.6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Dương Thị L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000đ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án. Anh Nguyễn Văn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Dương Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Phương Ng, sinh ngày 17/12/2012 và Nguyễn Tố Nh, sinh ngày 31/5/2015 cho chị Dương Thị L được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, chị Dương Thị L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở và anh C không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con của chị L. Trong trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con thì Tòa án có thể xem xét quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Chị Dương Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị L đã nộp theo biên lai số 0002036 ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Vò.

7. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Lập Vò;
- Chi cục THADS H.Lập Vò;
- UBND xã Vy, H.A, tỉnh K
(GCN số 106/, quyền 1/2008)
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Văn Nội